TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:78/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 29/11/2019
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Đinh Minh Tặng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2019/TLST - HNGĐ ngày 08/10/2019 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 669/2019/QĐXX- ST ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị N T N

Trú tại: Thôn L H, xã H H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh T Đ B

Trú tại: Thôn T S, xã M H, huyện M H, tỉnh Q B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/9/2019 và bản tự khai ngày 23/10/2019 của nguyên đơn N T N trình bày giữa chị và anh T Đ B đã đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã M H, huyện M H, tỉnh Q B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 03 người con. Sau đó hai vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị N làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 03 người con chung là cháu T T M sinh ngày 24/6/2008, cháu T Đ K sinh ngày 22/5/2015 và cháu T Đ K sinh ngày 06/10/2016. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị N là được nuôi dưỡng các con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000đ/1 tháng.

Tài sản chung và khoản vay chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã triệu tập anh B nhiều lần nhưng anh B không đến Toà án để giải quyết vụ án. Toà án đã đến tại cơ sở và xác minh thì biết được anh B có hộ khẩu thường trú tại thôn T S, xã M H, huyện M H, tỉnh Q B, hiện tại anh B đi làm ăn xa, không có mặt tại nơi cư trú. Anh B đã được gia đình thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án và tống đạt các giấy triệu tập nhưng anh B cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 20/11/2019, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị N và anh B. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh B vẫn vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên toà vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh B vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị N T N và anh T Đ B đã đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã M H, huyện M H, tỉnh Q B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên coi đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị không thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng của chị N xin được ly hôn là chính đáng cần chấp nhận, áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N T N được ly hôn với anh T Đ B.

[2] Về con chung: Xét thấy hiện nay anh B đang đi làm ăn xa không thể giao con chung cho anh B nuôi dưỡng được. Mặt khác chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng các con và cháu Mây có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn xin được ở với mẹ. Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao chị N T N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu T T M sinh ngày 24/6/2008, cháu T Đ K sinh ngày 22/5/2015 và cháu T Đ K sinh ngày 06/10/2016

là hợp lý. Xử buộc anh T Đ B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu một tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), tổng số tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh B phải đóng góp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) một tháng cho đến khi cháu T T M, cháu T Đ K và cháu T Đ K tròn 18 tuổi.

[3] Tài sản chung và khoản vay chung: Không có nên không xem xét.

[4] Án phí: Chị N T N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004196 ngày 08/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí.

Anh T Đ B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm vê nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị N T N được ly hôn với anh T Đ B.

2. Về con chung: Xử giao chị N T N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu T T M sinh ngày 24/6/2008, cháu T Đ K sinh ngày 22/5/2015 và cháu T Đ K sinh ngày 06/10/2016. Xử buộc anh T Đ B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho mỗi cháu một tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), tổng số tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh B phải đóng góp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) một tháng cho đến khi cháu T T M, cháu T Đ K và cháu T Đ K tròn 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 12/2019. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị N T N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004196 ngày 08/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị N đã nộp đủ án phí.

Anh T Đ B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/11/2019), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã M H để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã M H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn